

ĐỀ CƯƠNG THÔNG BÁO NHANH
Kết quả Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn
lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030

(Kèm theo Công văn số -CV/TBTT, ngày /2025 của Tiểu ban Tuyên truyền Đại hội)

I. THỜI GIAN, THÔNG TIN ĐẠI BIỂU, THÀNH PHẦN VÀ CHỦ ĐỀ, PHƯƠNG CHÂM ĐẠI HỘI

1. Thời gian Đại hội

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 được tổ chức từ ngày 24/9 đến ngày 26/9/2025 tại Trung tâm Hội nghị tỉnh Lạng Sơn. Phiên tru bị bắt đầu từ 14h30' ngày 24/9/2025, phiên khai mạc vào lúc 07h30' ngày 25/9/2025 và bế mạc vào sáng ngày 26/9/2025.

2. Thông tin đại biểu dự Đại hội

- *Đại biểu chính thức:* Đại hội có mặt **398/398** đại biểu được triệu tập. Trong đó, có **39 đại biểu** đương nhiên; **359 đại biểu** bầu, chỉ định.

- *Đại biểu khách mời:* Đại hội vinh dự được đồng chí **Bùi Thị Minh Hoài**, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội dự và phát biểu chỉ đạo Đại hội. Dự Đại hội có đại biểu các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và các tỉnh bạn; các đồng chí cán bộ lão thành cách mạng; các đồng chí nguyên Bí thư Tỉnh ủy, nguyên Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và lãnh đạo chủ chốt tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ; các đồng chí nguyên lãnh đạo Quân khu 1 qua các thời kỳ nghỉ hưu trên địa bàn tỉnh; các đồng chí nguyên là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn khóa XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; phóng viên các cơ quan thông tấn báo chí của Trung ương, địa phương dự và đưa tin tuyên truyền về Đại hội.

3. Chủ đề Đại hội

“Xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đoàn kết; huy động mọi nguồn lực, hiện thực hóa khát vọng phát triển; xây dựng Lạng Sơn trở thành một cực tăng trưởng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ”

4. Phương châm Đại hội:

“Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển”

II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Đại hội tiến hành các nội dung chính: (1) Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; xác định quan điểm, mục tiêu tổng quát, chỉ tiêu chủ yếu, nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá phát triển; nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của nhiệm kỳ 2025 - 2030; (2) Kiểm điểm công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy khoá XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; (3) Thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; dự thảo các văn kiện tại

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030; (4) Bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030; (5) Bầu Đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

III. KẾT QUẢ ĐẠI HỘI

Sau 03 ngày làm việc, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã thành công tốt đẹp. Đại hội đã quyết nghị:

1. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025

1.1. Kết quả đạt được

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, với sự đoàn kết thống nhất, quyết tâm của tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận, tham gia tích cực của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tỉnh Lạng Sơn đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Trong tổng số **20** chỉ tiêu chủ yếu, đã thực hiện đạt và vượt **18** chỉ tiêu đề ra.

(1) Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được tăng cường, đạt nhiều kết quả tích cực

Chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức được nâng lên; việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ngày càng nền nếp, hiệu quả, chuyển biến rõ nét. Tỉnh đã tổ chức 1.414 lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho 102.696 lượt người tham gia. Hoàn thành việc đề xuất 33 xã, thị trấn được công nhận là xã An toàn khu.

Việc đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, củng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên đạt nhiều kết quả tích cực. Đã tiến hành hợp nhất Ban Tuyên giáo với Ban Dân vận; kết thúc hoạt động của Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh (*thành lập 2 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy*); giảm 05 sở, 01 tổ chức hành chính khác, 26 phòng chuyên môn, 10 chi cục, 33 phòng chuyên môn trực thuộc chi cục, 34 đơn vị sự nghiệp công lập. Đã sắp xếp, sáp nhập từ 1.705 thôn, tổ dân phố thành 1.646 thôn, tổ dân phố, giảm 59 thôn, tổ dân phố. Đã cử 10.866 lượt cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trong nước (*187 cán bộ đi đào tạo sau đại học, 337 cán bộ đào tạo cao cấp lý luận chính trị*). Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã điều động, luân chuyển, chỉ định, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, hiệp y đối với 401 lượt cán bộ. Toàn Đảng bộ tỉnh có tổng số 71.531 đảng viên, tăng 6.730 đảng viên so với đầu nhiệm kỳ. Hoàn thành việc xóa chi bộ sinh hoạt ghép ở thôn; thành lập Chi bộ Quân sự, Chi bộ Công an xã tại 100% xã, phường, thị trấn. Tỷ lệ bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố đạt 90,04% (1.482/1.646), tăng 76,35% so với năm 2020. Đã kết nạp được 9.964 đảng viên, bình quân mỗi năm kết nạp được 2.166 đảng viên, đạt 108% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra.

Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phát huy được hiệu quả. Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp

đã kiểm tra, giám sát đối với 7.712 tổ chức đảng và 23.498 đảng viên. Đã thi hành kỷ luật 31 tổ chức đảng và 1.174 đảng viên (*tăng 26 tổ chức và 92 đảng viên so với nhiệm kỳ trước*). Các cơ quan chức năng đấu tranh, phát hiện, điều tra, xử lý 86 vụ, 238 bị can và 01 pháp nhân thương mại liên quan đến tham nhũng, tiêu cực. Ban Chỉ đạo PCTN, lãng phí, tiêu cực tỉnh đã theo dõi, chỉ đạo 15 vụ án, vụ việc.

Công tác dân vận của hệ thống chính trị tiếp tục được tăng cường và đổi mới mạnh mẽ, góp phần tạo sự đồng thuận, củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo, điều hành của các cấp ủy, chính quyền các cấp. Toàn tỉnh hiện có 1.785 mô hình “Dân vận khéo” được đăng ký thực hiện. Quỹ “*Vì người nghèo*” các cấp đã vận động được trên 43 tỷ đồng.

Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục được đổi mới, phát huy tốt vai trò đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Khối đại đoàn kết các dân tộc được củng cố vững chắc, tạo nền tảng vững chắc cho việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

(2) Kinh tế phát triển khá toàn diện, đạt được nhiều kết quả quan trọng trên nhiều lĩnh vực

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 7,1%, cao hơn mức tăng bình quân của giai đoạn 2016 - 2020 (5,2%) và đạt mức chỉ tiêu Đại hội đề ra từ 7 - 7,5%. Trong đó, Ngành nông, lâm nghiệp tăng 6,47%; công nghiệp - xây dựng tăng 8,86%; dịch vụ tăng 6,67%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 6,31%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, tuy nhiên chỉ tiêu cơ cấu kinh tế là một trong hai chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu đề ra. Dự kiến năm 2025, tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp chiếm 20,51% (*giảm 2,74% so với năm 2020*); công nghiệp - xây dựng 28,06% (*tăng 6,17%*); dịch vụ 47,22% (*giảm 2,98%*); thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 4,21% (*giảm 0,46%*). GRDP bình quân đầu người tăng từ 44,2 triệu đồng năm 2020 dự ước tăng lên 71,1 triệu đồng năm 2025, tương đương tăng từ 1.917 USD lên 2.900 USD.

Kinh tế cửa khẩu tiếp tục tập trung phát triển nhanh, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng. Đã phân bổ trên 10.000 tỷ đồng từ vốn đầu tư công cho khu vực cửa khẩu, tăng hơn 6.000 tỷ đồng so với giai đoạn trước. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa các loại hình qua các cửa khẩu tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025 đạt 234,58 tỷ USD. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu mở tờ khai tại Hải quan Lạng Sơn đạt khoảng 24,2 tỷ USD. Xuất khẩu hàng hóa địa phương ước đạt 780 triệu USD, bình quân hằng năm tăng 8,81%. Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị được lựa chọn là cửa khẩu đầu tiên của cả nước triển khai thí điểm xây dựng cửa khẩu thông minh. Hằng năm có từ 2.800 - 3.000 doanh nghiệp và tổ chức kinh tế tham gia xuất nhập khẩu qua địa bàn tỉnh. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng bình quân hằng năm tăng 15,87%.

Sản lượng lương thực hằng năm đạt trên 305 nghìn tấn, đảm bảo an ninh lương thực. Các vùng trồng tập trung sản phẩm đặc sản, chủ lực của tỉnh với hơn 6.700 ha được chứng nhận tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ và các tiêu chuẩn chất lượng khác. Diện tích trồng rừng hằng năm đạt 9.468 ha, tỷ lệ che phủ

rừng đến năm 2025 ước đạt 64,5%, tăng 1,5% so với năm 2020. Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2025 đạt 99%, tăng 3,9% so với năm 2020; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn đạt 60%, tăng 1,9%. Kết quả xây dựng nông thôn mới tích cực: Hết năm 2024, toàn tỉnh có 106/175 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Có 28/175 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 10/175 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Đạt chuẩn bình quân 15,21 tiêu chí/xã, tăng 2,31 tiêu chí/xã so với năm 2020. Tổng kinh phí huy động xây dựng nông thôn mới đạt 40.030 tỷ đồng, trong đó vốn tín dụng chiếm khoảng 79,53% (*khoảng 31.838 tỷ đồng*). Các chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển nông nghiệp đạt hiệu quả cao: Đã đánh giá phân hạng và công nhận 231 sản phẩm OCOP từ 03 sao trở lên (*21 sản phẩm 04 sao; 210 sản phẩm 03 sao*).

Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng qua các năm, dự ước năm 2025 tăng 6,15%. Lũy kế toàn tỉnh có 02 khu và 10 cụm công nghiệp. Công viên địa chất Lạng Sơn được công nhận là Công viên địa chất toàn cầu UNESCO. Lượng khách và tổng doanh thu từ khách du lịch tăng đều qua các năm: năm 2025 ước đạt 4.400 nghìn lượt khách, bình quân hằng năm tăng 32,8%; doanh thu đạt 4.500 tỷ đồng, tăng 47,7%. Tỷ lệ đóng góp của ngành du lịch vào tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng từ 1,3% năm 2020 lên ước đạt 5,5% vào năm 2025. Toàn tỉnh có 303 cơ sở lưu trú du lịch khoảng trên 4.140 buồng lưu trú.

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 181,7 nghìn tỷ đồng. Đến hết năm 2025, 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông, tăng 12,7% so với năm 2020. Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt 91%, tăng 26%. Tỷ lệ đô thị hoá năm 2025 ước đạt 30%, tăng 6,93% so với năm 2020. Môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tăng 33 bậc so với năm 2020. Trong nhiệm kỳ đã thành lập mới 3.334 doanh nghiệp, tổng vốn đăng ký 32.275 tỷ đồng, tăng 1.496 doanh nghiệp so với nhiệm kỳ trước. Cấp giấy chứng nhận đầu tư/chủ trương đầu tư 73 dự án với tổng số vốn đăng ký 25.731 tỷ đồng.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 5 năm ước đạt 49.780 tỷ đồng, tăng 51,9% so với giai đoạn trước. Trong đó thu nội địa 16.323 tỷ đồng, bình quân hằng năm tăng 8,03%. Tổng chi ngân sách địa phương 5 năm ước đạt 88.066 tỷ đồng, tăng 69,4% so với giai đoạn trước. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý năm 2025 ước đạt 98,82%, tăng 3,82% so với năm 2020. Tỉnh đã cấp 1.908 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, 11.597 giấy cho hộ gia đình, cá nhân.

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoạt động hiệu quả, tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt trên 99%. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được tích hợp, đồng bộ dữ liệu với 1.904 thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Lạng Sơn luôn nằm trong nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về chỉ số chuyển đổi số. Các chỉ số CCHC có cải thiện (ví dụ PAPI: từ 37/63 năm 2020 lên 12/63 năm 2024; PAR INDEX: từ 36/63 năm 2020 lên 39/63 năm 2024).

(3) Phát triển văn hóa - xã hội và con người có nhiều mặt tiến bộ

Quy mô, mạng lưới trường, lớp được sắp xếp hợp lý, giảm 45 trường, 125 điểm trường so với đầu nhiệm kỳ. Tỷ lệ huy động trẻ mầm non ra lớp và học sinh phổ thông tới trường được duy trì trên 99%. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia là 317 trường, chiếm 48,9%, tăng 15,4% so với năm 2020. Tỷ lệ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên đạt 96,88%, tăng 29,26% so với giai đoạn 2015-2020. Đã đào tạo cho trên 90 nghìn lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%, tăng 9% so với đầu nhiệm kỳ.

Triển khai quyết liệt, kịp thời các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, tỷ lệ tiêm chủng vắc xin Covid-19 thuộc nhóm 15 tỉnh có tỷ lệ tiêm chủng nhanh và cao so với cả nước. Tổng số mũi tiêm vắc xin đạt 2.109.063 mũi. Tỷ lệ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế hằng năm đạt trên 80%. Toàn tỉnh có 281 cơ sở hành nghề y (tăng 21,6%) và 498 cơ sở kinh doanh dược (tăng 19,4%). Ước tính có 11,5 bác sĩ và 34 giường bệnh/1 vạn dân. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 95%, tăng 2,1% so với đầu nhiệm kỳ.

Giải quyết việc làm mới cho 85,1 nghìn lao động. Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động trong độ tuổi đạt khoảng 45%. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân hằng năm giảm 2,95%, ước hết năm 2025 toàn tỉnh còn 1,36% hộ nghèo. Đã bố trí, giải ngân 5.428 tỷ đồng cho các chương trình mục tiêu quốc gia (*trong đó Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 4.219,5 tỷ đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững là 1.208,4 tỷ đồng*). Trong nhiệm kỳ có 47/88 xã và 315/644 thôn thoát khỏi diện đặc biệt khó khăn. Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát đã xóa xong toàn bộ 6.508 căn nhà đến hết tháng 8/2025. Đã hỗ trợ xây dựng và sửa chữa 1.175/1180 hộ người có công khó khăn về nhà ở, tổng kinh phí hỗ trợ 32,24 tỷ đồng.

Đảm bảo tiến độ 04 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và 109 đề tài, dự án nghiên cứu khoa học cấp tỉnh. Hỗ trợ đăng ký tài sản trí tuệ cho 44 sản phẩm đặc sản của địa phương. Chuyển đổi số được triển khai đồng bộ trên cả 05 trụ cột. Nền tảng cửa khẩu số được triển khai đầu tiên trên toàn quốc và hoạt động ổn định. 100% các trường học, bệnh viện tuyến tỉnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt. Trên 76% dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử.

(4) Quốc phòng, an ninh không ngừng được củng cố, tăng cường; công tác tư pháp được triển khai nghiêm túc; công tác đối ngoại đạt nhiều kết quả nổi bật

Quốc phòng - An ninh: Đã xây dựng và hoàn thành 310 đường, với chiều dài 69.434m theo Đề án “*Xây dựng đường kiểm tra cột mốc, bảo vệ biên giới*”. Điều tra phá án 1.847/2.149 vụ tội phạm hình sự (*đạt 85,95%, giảm 6,3% so với giai đoạn 2015 - 2020*). Đã hoàn thành cấp Căn cước công dân cho 100% công dân đủ điều kiện, kích hoạt 545.645 tài khoản định danh điện tử. Các lực lượng chức năng đã tiến hành kiểm tra, xử lý 23.528 vụ vi phạm về buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng cấm, xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 592,7 tỷ đồng.

Cơ quan hành chính các cấp đã tiếp 17.055 lượt công dân; giải quyết 739/741 đơn khiếu nại tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt 99,7%. Trong nhiệm kỳ, đã triển khai thực hiện 1.429 cuộc thanh tra, kiểm tra, phát hiện sai phạm 55.039,18 triệu đồng

và 126.262,2m² đất. Đã chuyển hồ sơ 09 vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan điều tra, khởi tố 07 vụ/13 bị can. Công tác giải quyết, xét xử hằng năm luôn đạt từ 99% trở lên. Đã kiểm sát 100% các vụ án ngay từ khi khởi tố.

Đã ký 62 bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực với các đối tác nước ngoài (*08 thỏa thuận cấp ủy, 07 thỏa thuận cấp tỉnh, 39 thỏa thuận cấp sở, ngành, 08 thỏa thuận cấp huyện*). Cử 179 đoàn/1.623 công chức, viên chức đi công tác nước ngoài; đón tiếp 407 đoàn/2.417 lượt khách quốc tế đến làm việc tại tỉnh.

1.2. Hạn chế, khuyết điểm

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị còn có mặt hạn chế. Công tác tuyên truyền, phổ biến các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách của tỉnh tại một số nơi chưa đáp ứng được yêu cầu; còn mang tính hình thức. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng cơ sở, công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên ở khu dân cư còn gặp nhiều khó khăn. Một số cơ quan, đơn vị đánh giá cán bộ chưa thực chất, tự phê bình và phê bình còn nể nang, né tránh, ngại va chạm; năng lực một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; vẫn còn một số cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng rèn luyện, bị xử lý kỷ luật, xử lý hình sự.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, tổ chức đảng về công tác dân vận chưa thực sự rõ nét. Vai trò giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở một số nơi, đặc biệt là cấp cơ sở chưa được phát huy hiệu quả. Công tác phát triển đoàn viên, hội viên của các tổ chức chính trị - xã hội còn gặp nhiều khó khăn. Nội dung, phương thức hoạt động của một số tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội cấp dưới cơ sở còn hạn chế, có mặt chưa theo kịp yêu cầu tình hình mới.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục liêm chính ở một số cấp ủy, cơ quan, đơn vị hiệu quả còn hạn chế; người đứng đầu tại một số cơ quan, đơn vị chưa phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong chỉ đạo thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong nội bộ, nên còn có cán bộ, đảng viên vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Công tác cải cách tư pháp còn phát sinh một số khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện.

Trong 20 chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết, còn 02 chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu đề ra; kết quả thực hiện các chương trình, đề án, chính sách thuộc lĩnh vực nông lâm nghiệp, du lịch đạt kết quả chưa cao. Kinh tế cửa khẩu chưa phát huy được hết tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn quan tâm đầu tư vào kinh tế cửa khẩu. Hệ thống hạ tầng cơ sở chưa đồng bộ giữa các vùng, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị; hạ tầng các ngành thương mại, dịch vụ, văn hóa, xã hội; hạ tầng số chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Hệ thống quy hoạch còn có tình trạng chồng chéo, chưa mang tính đồng bộ, toàn diện. Cơ cấu ngành công nghiệp chuyển dịch còn chậm, quy mô sản xuất còn nhỏ hẹp, một số sản phẩm công nghiệp thiếu tính cạnh tranh trên thị trường. Một số dự án đầu tư, nhất là các

dự án đầu tư ngoài ngân sách chậm tiến độ, hiệu quả chưa cao, có nguy cơ thất thoát, lãng phí nguồn lực. Công tác quản lý trật tự đô thị, đất đai, tài nguyên khoáng sản có nơi chưa chặt chẽ. Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng còn nhiều vướng mắc, kéo dài.

Đời sống một bộ phận người dân còn khó khăn; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động; chất lượng giáo dục chưa đồng đều, công tác công nhận lại trường đạt chuẩn còn gặp khó khăn về cơ sở vật chất; công tác giảm nghèo chưa bền vững. Hạ tầng du lịch còn hạn chế, hệ thống các sản phẩm du lịch chưa thực sự đặc sắc; một số dự án trọng điểm, chiến lược về phát triển du lịch triển khai chậm. Còn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn an ninh mạng, lộ, mất bí mật nhà nước, an toàn phòng cháy, chữa cháy, trật tự an toàn giao thông. Một số loại tội phạm tiếp tục diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng, nhất là tội phạm trộm cắp tài sản, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng

1.3. Những bài học kinh nghiệm:

Một là, Phải đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình.

Hai là, Phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; quán triệt sâu sắc và thực hành triệt để quan điểm “*Dân là gốc*”; phát huy vai trò chủ thể, vị trí của Nhân dân; kiên trì thực hiện phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”.

Ba là, Khơi dậy khát vọng lớn, quyết tâm cao của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp Nhân dân, sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đề ra; chủ động đổi mới toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ.

Bốn là, Chủ động hợp tác, liên kết phát triển với các tỉnh, thành phố vùng Trung du và miền núi phía Bắc, các tập đoàn kinh tế, tạo cơ hội, động lực phát triển toàn diện. Nâng cao chất lượng công tác dự báo, kịp thời tổng kết thực tiễn, đưa ra các cơ chế, chính sách, giải pháp để có phương án phản ứng chính sách phù hợp, chính xác, hiệu quả.

Năm là, Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Kiểm soát chặt chẽ công tác cán bộ, bố trí đúng người, đúng việc, kịp thời thay thế những cán bộ không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Nêu cao trách nhiệm, vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cấp ủy viên, người đứng đầu và cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp. Chăm lo đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài để tạo nguồn quy hoạch và xây dựng đội ngũ cán bộ lâu dài.

Sáu là, Làm tốt công tác đối ngoại, hội nhập, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài và sự ủng hộ của các nước, vùng lãnh thổ có quan hệ truyền thống, các đối

tác chiến lược, góp phần vượt qua thách thức, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

2. Đại hội quyết nghị quan điểm, mục tiêu tổng quát, chỉ tiêu chủ yếu, nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá phát triển; nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của nhiệm kỳ 2025 - 2030

2.1. Quan điểm

(1) Kiên định, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới của Đảng; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kiên định đi đôi với đổi mới, sáng tạo nhưng phải có nguyên tắc, không tùy tiện, nóng vội, vừa thận trọng, kỹ lưỡng, song không quá cầu toàn, làm mất thời cơ.

(2) Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đảng viên; xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; kết hợp hài hòa giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển. Phát huy dân chủ, tăng cường kiểm soát quyền lực, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

(3) Phát triển kinh tế - xã hội phải phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Xác định bảo vệ môi trường sinh thái là điều kiện, yếu tố tiên quyết cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội. Đầu tư có trọng điểm vào những ngành, lĩnh vực có thế mạnh, nhất là kinh tế cửa khẩu, công nghiệp, thương mại và dịch vụ, từng bước đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

(4) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh là động lực chính, là giải pháp đột phá để phát triển nhanh, bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh.

(5) Xác định phát triển, bảo tồn di sản văn hóa, phát triển con người là yếu tố nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng cho sự phát triển bền vững. Tăng cường giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa đặc sắc của các dân tộc trên địa bàn tỉnh, gắn với phát triển du lịch, phát triển kinh tế di sản, hợp tác quốc tế, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả, bền vững; nâng cao đạo đức xã hội, ý thức pháp luật, xây dựng văn hóa và con người Lạng Sơn phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, có khát vọng vươn lên.

2.2. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tập trung đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và kinh tế tư nhân; đầu tư hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, đô thị; tái cơ cấu nông, lâm nghiệp ứng

dụng công nghệ cao; phát triển kinh tế cửa khẩu năng động, hiện đại; đẩy mạnh phát triển văn hóa, xã hội, phát triển du lịch xanh gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bảo đảm biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, tạo đà phát triển nhanh và bền vững, xây dựng tỉnh Lạng Sơn trở thành một trong các cực tăng trưởng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ vào năm 2030, trở thành tỉnh phát triển khá vào năm 2035.

2.3. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.3.1. Chỉ tiêu kinh tế

- (1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đến năm 2030 đạt khoảng 111.100 tỷ đồng.
- (2) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân hàng năm từ 10 - 11%.
- (3) Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn đến năm 2030: Khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản 12 - 13%; khu vực Công nghiệp - Xây dựng 32 - 33%; khu vực Dịch vụ 50 - 51%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 4 - 5%.
- (4) Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 130 triệu đồng, tương đương khoảng 5.000 USD.
- (5) Đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt trên 30%.
- (6) Thu nội địa tăng bình quân hàng năm từ 10% trở lên.
- (7) Tổng vốn đầu tư xã hội cả giai đoạn 2025 - 2030 khoảng 250 - 270 nghìn tỷ đồng.
- (8) Đến năm 2030, tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP khoảng 50 - 51%.
- (9) Lượng khách du lịch đến năm 2030 đạt khoảng 6.000.000 lượt người; Tổng thu từ khách du lịch đạt từ 10.000 tỷ đồng trở lên.
- (10) Kim ngạch xuất khẩu hàng địa phương tăng bình quân hàng năm 10 - 11%.

2.3.2. Chỉ tiêu xã hội

- (11) Đến năm 2030 dân số đạt khoảng 854 - 856 nghìn người.
- (12) Đến năm 2030, tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt khoảng 73,5 - 74 tuổi.
- (13) Đến năm 2030, Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt khoảng 0,7 - 0,75.
- (14) Đến năm 2030, số lao động có việc làm đạt khoảng 339.000 người.
- (15) Đến năm 2030, tỷ trọng lao động có việc làm: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 36 - 37%; công nghiệp và xây dựng 24 - 25%; dịch vụ 38 - 39%.
- (16) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt từ 76% trở lên; tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%.
- (17) Đến năm 2030, tỷ lệ thất nghiệp khoảng 3 - 3,5%.

(18) Đến năm 2030, năng suất lao động đạt trên 320 triệu đồng/người.

(19) Đến năm 2030: Duy trì tỷ lệ xã, phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã là 100%; có 13,5 bác sĩ và 37 giường bệnh trên 1 vạn dân; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 96%.

(20) Đến năm 2030, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt trên 60%.

(21) Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030) giảm 2%/năm.

(22) Đến năm 2030, thu nhập bình quân đầu người 01 tháng đạt khoảng 5,4 triệu đồng.

(23) Đến năm 2030, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 100%; tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn khoảng 80%.

(24) Đến năm 2030, tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới 60%.

(25) Đến năm 2030, tỷ lệ đường xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt trên 90% (theo phân loại đường đến hết năm 2024); tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt trên 95%; toàn tỉnh có 3.000 căn nhà ở xã hội.

(26) Kiểm chế, kéo giảm tai nạn giao thông hằng năm cả 3 tiêu chí $\geq 5\%$; giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội hằng năm $\geq 5\%$.

2.3.3. Chỉ tiêu môi trường

(27) Đến năm 2030, tỷ lệ che phủ rừng duy trì mức 65%.

(28) Đến năm 2030, 100% chất thải nguy hại được thu gom, xử lý.

(29) Duy trì 100% tỷ lệ chất thải y tế được xử lý.

(30) Đến năm 2030, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị được thu gom, phân loại và xử lý đạt trên 99%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu dân cư nông thôn được thu gom, phân loại và xử lý đạt khoảng 90%.

(31) Đến năm 2030 tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

2.3.4. Chỉ tiêu công tác xây dựng Đảng

(32) Tỷ lệ đảng viên được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm đạt trên 90%.

(33) Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm đạt trên 90%.

(34) Kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt trên 2.000 đảng viên.

2.4. Nhiệm vụ trọng tâm

(1) Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Tổ chức hoạt động có hiệu quả tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo mô hình mới đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, nhất là công tác

thẩm định, đánh giá cán bộ; tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược, cán bộ cấp cơ sở. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, năng lực điều hành, tổ chức thực hiện của chính quyền các cấp. Nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc.

(2) Nắm bắt thời cơ, chủ động huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, ưu tiên các dự án liên kết vùng, có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội; đầu tư nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng từng bước đồng bộ, hiện đại. Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng, trọng tâm là hạ tầng giao thông, đô thị, công nghiệp, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; thu hút xã hội hóa trên mọi lĩnh vực. Đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm gắn với sản phẩm chủ lực, thế mạnh, đặc sản của địa phương; tập trung phát triển kinh tế rừng; thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị.

(3) Đổi mới và hoàn thiện cơ chế, chính sách theo hướng đơn giản, thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh; tập trung giải quyết kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, đảm bảo sự đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án lớn có sức lan tỏa rộng; đổi mới, nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, thu hút các nguồn vốn FDI. Phát triển các mô hình, phương thức sản xuất kinh doanh mới. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân là động lực tăng trưởng quan trọng nhất của nền kinh tế, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã.

(4) Phấn đấu phát triển đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh và là một trong những trọng điểm du lịch của vùng trung du và miền núi phía Bắc. Ưu tiên xây dựng các sản phẩm du lịch gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn; khai thác hợp lý các giá trị địa chất, cảnh quan, văn hóa phục vụ phát triển du lịch bền vững. Đẩy mạnh liên kết vùng, thu hút đầu tư các dự án du lịch quy mô lớn, du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, du lịch văn hóa và trải nghiệm di sản địa chất. Phát triển, từng bước hoàn thành đưa vào khai thác khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn; phát triển du lịch văn hóa, tâm linh.

(5) Phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp, nâng cao đạo đức xã hội, ý thức chấp hành pháp luật, xây dựng con người Lạng Sơn phát triển toàn diện. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua phát triển giáo dục, đào tạo nghề cho người lao động và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, nhất là các khu vực nông thôn, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn; nâng cao chỉ số hạnh phúc của người dân; phấn đấu thực hiện đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo.

(6) Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, chủ

động thực hiện hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

2.5. Các khâu đột phá phát triển

(1) Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông, các đô thị, khu, cụm công nghiệp, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa. Phát triển các khu chức năng, các vùng sản xuất gắn kết với các đô thị. Tiếp tục tập trung và huy động nguồn lực bằng nhiều hình thức để đầu tư, hoàn thành các tuyến đường cao tốc, xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng liên kết nội vùng, các khu, vùng du lịch và với vùng đồng bằng sông Hồng, nâng cấp các tuyến đường tỉnh, trọng tâm là kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn. Phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh, xanh, an toàn, hiện đại; tập trung vào các ngành, lĩnh vực có lợi thế, cơ hội phát triển như năng lượng tái tạo; công nghiệp chế biến, chế tạo; chế biến nông lâm sản theo công nghệ tiên tiến.

(2) Phát triển kinh tế cửa khẩu, xây dựng cửa khẩu thông minh, thương mại, dịch vụ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tập trung nâng cấp các cửa khẩu; xây dựng kết cấu hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu; đẩy mạnh hợp tác song phương với chính quyền Quảng Tây để hình thành khu hợp tác kinh tế qua biên giới; xây dựng Lạng Sơn trở thành một trong những trung tâm logistics, trung tâm đầu mối hoạt động xuất nhập khẩu, thương mại, dịch vụ, du lịch và kinh tế cửa khẩu trọng điểm.

(3) Tập trung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp để bảo đảm thực hiện thành công các mục tiêu xây dựng hạ tầng số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, nhân lực số. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư và phát triển các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân.

2.6. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

(1) Tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý giữa các ngành lĩnh vực, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của tỉnh

- Tiếp tục tập trung phát triển nhanh kinh tế cửa khẩu, xây dựng cửa khẩu thông minh, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

- Tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới và quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch đồng bộ hiện đại, các dự án phát triển khu, điểm du lịch. Gắn kết chặt chẽ thương mại, dịch vụ và du lịch, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Huy động nguồn lực đầu tư nâng cấp, phát triển cơ sở hạ tầng từng bước đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là hạ tầng giao thông, đô thị, khu, cụm công nghiệp. Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, phát triển đô thị.

- Phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, xanh, an toàn và hiện đại, đưa công nghiệp trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế chung của tỉnh.

- Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, thu hút đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế.

- Tăng cường quản lý và điều hành ngân sách nhà nước. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách, cơ cấu lại ngân sách, hình thành các nguồn thu ổn định, bền vững, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Hoàn thiện, ban hành các cơ chế, chính sách, nhất là cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh theo hướng hiệu quả, bền vững, phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển của thời đại làm cơ sở, động lực, tạo bước đột phá mạnh mẽ trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đại hội.

(2) Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội; thực hiện giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân

- Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ, chuyên môn, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

- Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, thể thao và truyền thông, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân.

- Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo, dân tộc, tôn giáo.

(3) Ưu tiên phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo động lực phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội

(4) Tăng cường quốc phòng, an ninh, cải cách tư pháp, mở rộng đối ngoại; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển

- Quán triệt và thực hiện tốt các quan điểm, chủ trương của Đảng về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; nhất là các nghị quyết, chỉ thị về quốc phòng, an ninh, bảo vệ biên giới quốc gia.

- Thực hiện tốt công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh, kiềm chế các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.

- Chú trọng công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trong nội địa và trên tuyến biên giới.

- Đẩy mạnh cải cách tư pháp, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án theo đúng quy định của pháp luật; không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm.

- Tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; tập trung thanh tra, kiểm tra đối với các lĩnh vực nhạy cảm, phức tạp được xã hội quan tâm.

- Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả.

(5) Xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ

- Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức.

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Đổi mới công tác cán bộ, tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường củng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Tăng cường công tác dân vận, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng.

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

- Đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

(6) Xây dựng chính quyền các cấp

- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng công tác tham gia xây dựng pháp luật.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp; thực hiện tốt chức năng giám sát và quyết định những vấn đề lớn của địa phương.

- Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính.

(7) Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc

3. Kết quả bầu cử tại Đại hội

- Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 gồm **52 đồng chí**. Chiều ngày 25/9/2025, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII đã tổ chức Hội nghị lần thứ nhất và bầu ra Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm **14 đồng chí**; bầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ nhiệm kỳ 2025 - 2030 gồm **11 đồng chí**.

- Đồng chí **Hoàng Văn Nghiệm** tái đắc cử giữ chức vụ Bí thư Tỉnh uỷ khóa XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Các đồng chí **Đoàn Thị Hậu, Nguyễn Cảnh Toàn, Đoàn Thu Hà** giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh uỷ khóa XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Đại hội bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng gồm **19 đại biểu chính thức** và **2 đại biểu dự khuyết**.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII tiếp thu các ý kiến đóng góp của các ban, bộ, ngành Trung ương, của các tổ chức đảng các cấp, ý kiến đóng góp của Nhân dân và các đại biểu dự Đại hội, hoàn chỉnh Báo cáo chính trị của Đại hội; căn cứ vào Nghị quyết Đại hội và các ý kiến góp ý tại Đại hội, xây dựng hoàn chỉnh Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết và các kế hoạch công tác để nhanh chóng đưa Nghị quyết Đại hội đi vào thực tiễn cuộc sống.

Đại hội kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh tiếp tục phát huy những truyền thống tốt đẹp của Đảng bộ, đoàn kết, thống nhất, khắc phục khó khăn, nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, quyết tâm phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đã đề ra, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng.
